

Bản án số: 124/2024/DS-ST  
Ngày 17 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài  
sản bị xâm phạm

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Quốc K, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông K trình bày:

Ngày 18/11/2023, nước thủy triều lên cao bờ đất của bà T bị bê tràn sang ruộng tôm của ông Nguyễn Văn Ú, tràn sang ruộng tôm của ông Nguyễn Văn C tiếp tục tràn sang ao nuôi công nghiệp của ông đang nuôi thẻ chân trắng, có trái bạt, diện tích ao nuôi khoảng 1.400m<sup>2</sup>, thả 200.000 con giống. Vào thời điểm xảy ra sự việc, ông có sang nhà nói nhưng bà T không quan tâm nên ông báo chính

quyền địa phương, lúc này công an ấp Lê Minh T2 lập biên bản ghi nhận hiện trạng thiệt hại ao nuôi của ông, ngoài ra có trưởng ấp Bùi Minh H cũng đến xem xét hiện trạng thiệt hại. Tuy nhiên, chính quyền địa phương không mời hai bên lại hiện trạng thiệt hại mà chỉ lập biên bản ghi nhận vào ngày 18/11/2023. Sau đó, ngày 21/12/2023, chính quyền địa phương mời hai bên lên hòa giải, bà T không thừa nhận gây thiệt hại cho ông và không đồng ý khắc phục hậu quả.

Nay ông K yêu cầu bà T và ông T1 cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tổng số tiền 84.609.000 đồng. Trong đó, tiền con giống, thức ăn, thuốc men là 54.000.000 đồng; tiền vệ sinh ao là 7.000.000 đồng; tiền điện là 3.609.000 đồng; tiền sửa chữa ao là 20.000.000 đồng. Đối với thiệt hại về sửa chữa ao nuôi do ông chưa thực hiện mà chỉ dự tính số tiền.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà T trình bày:*

Bà T xác định phần bờ của bà có bị bể là đúng, nhưng thời điểm đó triều cường lên bất thường, phần bờ của bà trước đây đều có thuê xáng dây đồ đất lên hàng năm, ngoài ra chỗ thấp cũng có thuê thợ be đắp thủ công. Nhưng từ khi ông Út d công xỏ cặp ranh đất của bà, ngay vị trí bể bờ thì phần bờ của bà yếu hơn trước, cộng thêm triều cường dâng cao nên dẫn đến bể bờ. Ngay ngày xảy ra sự việc khoảng hơn 4h sáng ngày 05/10/2023 âm lịch. Bà phát hiện nước tràn có nhờ người dân xung quanh vào be đắp tiếp nhưng không thể xoay chuyển kịp. Ngoài ra không có sự việc ông K đến báo nước vuông bà tràn sang ao nuôi công nghiệp gì của ông K như ông K trình bày. Thời điểm này chỉ có công an ấp là ông Lê Minh T2 đến nói bờ của bà bị bể và yêu cầu phải khắc phục chứ cũng không nói gì đến việc tràn ngập ao tôm công nghiệp của ông K.

Nay qua yêu cầu của ông K, bà T không đồng ý, bởi vì việc bể bờ là do triều cường và việc ngập hầm tôm của ông K bà hoàn toàn không biết, ông K cũng như địa phương không thông báo. Mặt khác, khi ông K thiệt hại ao nuôi tạt hầm tôm cũng không cho bà biết thiệt hại như thế nào.

*\* Ông Trần Văn T1:*

Thời điểm xảy ra sự việc và trước đó ông và bà T đều có be đắp bờ, chủ động gia cố nhưng nước dâng lên đột ngột và rất cao nên dẫn đến bể bờ. Việc bể bờ do sự cố chứ bản thân ông không mong muốn. Do đó, yêu cầu bồi thường của ông K ông không đồng ý.

*\* Tại phiên tòa:*

- Ông K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tổng số tiền 61.600.000 đồng. Đối với tiền sửa chữa lại ao nuôi 20.000.000 đồng là chi phí dự trù chứ chưa thực hiện việc sửa chữa nên ông K xin rút lại không yêu cầu số tiền này. Ông K xác định trước khi xảy ra sự việc tràn bờ, phía bà T có gia cố be bờ nhưng không đáng kể nên khi nước dâng cao thì dẫn đến bể bờ. Ngoài ra, ông K thừa nhận bờ của ông, ông Ú, ông C, bà T đều thấp là có lỗi của các bên nhưng ông không yêu cầu trách nhiệm gì của ông Ú, ông C vì lỗi đầu tiên là bà T làm bể bờ nên yêu cầu bà T, ông T1 phải có trách nhiệm bồi thường.

- Bà T, ông T1 giữ y quan điểm không đồng ý bồi thường bởi vì không xác định được ông K có thiệt hại không và nếu có thiệt hại thì cũng không phải do ông, bà gây ra mà do thiên tai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 244, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quốc K về việc buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T1 bồi thường thiệt hại số tiền 61.600.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm, đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông K khởi kiện yêu cầu bà T và ông T1 bồi thường thiệt hại tài sản là ao nuôi tôm công nghiệp có địa chỉ tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản bị xâm phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

[2] Xét nội dung vụ án thấy rằng:

Rạng sáng ngày 18/11/2023, thủy triều lên cao, phần bờ của bà T bị bể làm nước tràn vào phần đất biên của bà T và tràn sang phần đất biên của ông Ú, làm sụp phần đất lộ xe ngay cống xỏ của ông Ú, nước chảy xuyên qua lộ xe ngay phần đất sụp này và tiếp tục chảy vào phần vuông của ông Ú phía bên trong lộ xe, chảy qua bờ ranh chung của ông Ú với ông C và chảy tiếp tục vào phần vuông bên trong lộ xe của ông C. Sau đó tiếp tục tràn sang bờ ranh chung của ông C và ông K rồi mới tiếp tục chảy vào ao nuôi tôm công nghiệp của ông K. Qua đó, ông K cho rằng bà T không giữ bờ nên dẫn đến phần bờ bể và yêu cầu bà T cùng ông T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông tổng số tiền 84.609.000 đồng (trong đó tiền thức ăn, thuốc, con giống là 54.000.000 đồng; tiền vệ sinh ao là 7.000.000 đồng, tiền điện là 3.609.000 đồng và tiền sửa chữa lại ao nuôi tôm là 20.000.000 đồng). Tại phiên tòa, ông K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng sửa ao do ông chưa thực hiện sửa chữa, đối với tiền vệ sinh ao do lúc đầu ông K yêu cầu cả 3 ao, nhưng thiệt hại chỉ một ao nên yêu cầu số tiền là 5.000.000 đồng và tiền điện ông chỉ yêu cầu 1 tháng với số tiền là 2.600.000 đồng. Việc ông K rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông K, bà T đều xác định vào thời điểm xảy ra sự việc, tại địa phương ấp B, xã T thủy triều đều dâng cao bất thường, các tuyến bờ

ven sông đều bị nước tràn ngập, lời thừa nhận này phù hợp với lời trình bày của trưởng ấp B, ông Ú, ông C (BL 21, 22, 23, 24). Đồng thời, trước ngày xảy ra sự việc, bà T cũng đã có cho gia cố bờ nhưng ngày xảy ra sự việc thủy triều dâng cao rất đột ngột, bà T không lường trước được sự việc. Thời điểm xảy ra sự việc tràn nước vào lúc 4-5 giờ sáng, bà T cũng có nhờ rất nhiều người đến gia cố tiếp nhưng không thể chống đỡ nổi với mực nước dâng cao. Điều này cho thấy việc bê bờ là do thủy triều dâng cao không phải nguyên nhân do bà T gây ra thiệt hại cho ông K. Mặt khác, khi bờ bà T bị bê là phần đất biên ngoài lộ xe, khi chảy sang phần biên của ông Ú mới làm sụp đoạn đất ngay lộ xe nhà ông Ú mới tràn vào trong lộ và vào các phần vuông bên trong. Do đó, ông K khẳng định là do lỗi của bà T là không có cơ sở. Hơn nữa, khi sự việc xảy ra, ông K chưa yêu cầu cơ quan chuyên môn tiến hành giám định nguyên nhân tôm chết, số lượng tôm chết tại thời điểm nước tràn và trong các yêu cầu của ông K về thiệt hại tiền sửa lại ao nuôi. Mặt khác, tại phiên tòa, ông K xác định khi nước tràn vào ao tôm công nghiệp làm toàn bộ tôm trôi ra phần vuông của ông nên không thể xác định thiệt hại tại thời điểm xảy ra vụ việc.

Từ những phân tích trên, việc xảy ra nước tràn làm bê bờ là sự kiện bất khả kháng nên không thể buộc bà T, ông T1 bồi thường theo yêu cầu của ông K theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều khoản 2 Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quốc K về việc buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T1 cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 61.600.000 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Quốc K phải chịu số tiền 3.080.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.115.000 đồng (hai triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000624 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, ông K còn phải nộp tiếp số tiền 965.000 đồng (chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Ngọc Trúc**